

# Giải pháp quản lý rủi ro THÔNG QUA CÔNG CỤ DẪN XUẤT TÍN DỤNG CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

**T**rong các hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam, một trong những yếu tố tác động rất lớn đến hiệu quả kinh doanh, đến nguồn vốn và uy tín của bản thân TCTD chính là rủi ro tín dụng. Do vậy, để các TCTD Việt Nam có được hiểu biết đầy đủ hơn về rủi ro tín dụng và biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro thông qua các công cụ dẫn xuất tín dụng, bài viết tập trung nghiên cứu làm rõ bản chất rủi ro tín dụng và phương pháp sử dụng các công cụ dẫn xuất tín dụng để quản lý và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh của các TCTD, tạo điều kiện giúp các TCTD Việt Nam nắm bắt và theo kịp công nghệ ngân hàng thế giới, góp phần thúc đẩy thị trường tài chính Việt Nam hội nhập, phát triển, mang lại lợi ích cho các TCTD sử dụng công cụ dẫn xuất tín dụng cũng như cho toàn bộ nền kinh tế.

## RỦI RO TÍN DỤNG

Về mặt khái niệm, rủi ro tín dụng là khả năng ngân hàng, nhà đầu tư gián tiếp phải chịu thiệt hại vì sẽ không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ khoản thanh toán mà người nhận nợ đã cam kết hoàn trả trước khi nhận tiền vay (như thanh toán lãi suất cho cổ đông hoặc thanh toán gốc và lãi các khoản vay ngân hàng).

Như vậy, có thể thấy rằng rủi ro tín dụng là yếu tố rất quan trọng đối với ngân hàng, người phát hành trái phiếu (người nhận nợ) và nhà đầu tư trái phiếu.

Trên thực tế, người phát hành trái phiếu bị tác động bởi rủi ro tín dụng vì chi phí vay vốn của họ phụ thuộc phần lớn vào rủi ro phá sản của

**Nguyễn Khắc Việt Trung \***

doanh nghiệp. Đối với một người vay dự kiến phát hành nợ trong tương lai gần, một rủi ro ngoài dự kiến xảy ra lập tức sẽ làm tăng chi phí vay vốn của người đó; mặt khác, kể cả trong trường hợp không có sự biến động về rủi ro của doanh nghiệp, một sự suy giảm nền kinh tế có thể làm tăng bảo hiểm rủi ro tín dụng và sẽ làm tăng chi phí vay của người phát hành trái phiếu.

Nhà đầu tư trái phiếu bị tác động bởi rủi ro tín dụng trong đánh giá chất lượng tín dụng của trái phiếu. Một mức độ giảm trong đánh giá chất lượng tín dụng sẽ làm tăng bảo hiểm rủi ro tín dụng và làm giảm giá trị của trái phiếu. Tương tự, các quỹ tương hỗ giữ các danh mục đầu tư về trái phiếu sẽ bị tác động bởi sự tri trệ về mức bảo hiểm rủi ro tín dụng, việc tăng bảo hiểm sẽ làm giảm giá trị trái phiếu nắm giữ của quỹ và làm ảnh hưởng đến doanh thu của toàn bộ quỹ.

NHTM bị tác động bởi rủi ro tín dụng vì các hoạt động lừa đảo, chây ỳ, quyt nợ hoặc người vay phá sản làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của mình.

Trong các trường hợp trên, cả ngân hàng và nhà đầu tư sẽ không nhận được, thậm chí chỉ một phần gốc và lãi mà người vay đã cam kết hoàn trả, đây là nhân tố ảnh hưởng rất lớn có thể dẫn đến sự phá sản trong hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Về thực chất, rủi ro tín dụng bao gồm rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của người vay (chứa đựng sẵn trong khoản vay được thực

hiện để kinh doanh) và rủi ro đạo đức của các đối tác trong quan hệ đi vay và cho vay (quan hệ tín dụng), trong đó rủi ro do hoạt động sản xuất kinh doanh của người vay (rủi ro vỡ nợ hay phá sản của người vay) là nguyên nhân gây tổn thất lớn nhất, có tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các TCTD, các tổ chức tài chính cũng như các nhà đầu tư.

*Xét về khía cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của người vay:* Rủi ro tín dụng bị tác động bởi chu kỳ kinh doanh và các biến cố trong hoạt động của doanh nghiệp. Trong quá trình mở rộng kinh tế (hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh), rủi ro tín dụng nhìn chung giảm đi vì những khoản thu nhập cao đã giữ cho tỷ lệ phá sản ở mức thấp. Ngược lại, rủi ro tín dụng tăng lên trong quá trình thu hẹp kinh tế (hoặc thu hẹp sản xuất kinh doanh) do sự giảm đi của các khoản thu nhập làm cho nó trở nên khó khăn hơn để thanh toán lãi suất trái phiếu hoặc tiền vay ngân hàng. Ngoài ra, doanh nghiệp còn gặp rủi ro do các biến cố của doanh nghiệp không liên quan đến chu kỳ kinh doanh, rủi ro này tăng bất nguồn từ các sự kiện tác động đến hoạt động kinh doanh hoặc ngành công nghiệp của nó, như biến cố kiện tụng liên quan đến trách nhiệm về tài sản, nhân thân của chủ doanh nghiệp hoặc các thay đổi về cơ chế chính sách.

*Xét về khía cạnh đạo đức:* Rủi ro đạo đức cũng có tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của TCTD và nhà đầu tư gián tiếp, rủi ro này bắt nguồn chính từ việc các chủ thể

\* NHNN

tham gia quan hệ tín dụng vì phạm các phạm trù đạo đức (như cố tình bỏ qua các thủ tục cấp tín dụng, do lừa đảo, chộp giật hoặc do chây ì của khách hàng vay vốn), gây thiệt hại về kinh tế của các đương sự liên quan.

Do vậy, để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của mình, việc tìm ra các biện pháp hợp lý để quản lý rủi ro là hết sức bức thiết đối với các TCTD và các nhà đầu tư.

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO HIỆN NAY

### *Biện pháp nâng cao chất lượng tín dụng*

Biện pháp này được thực hiện chủ yếu thông qua việc phân tích, thẩm định kỹ lưỡng các thông tin tài chính và thông tin phi tài chính của người nhận nợ và áp dụng thủ tục cấp tín dụng chặt chẽ trước khi đầu tư nhằm phân loại khoản vay và các đối tác vay vốn dựa vào mức độ rủi ro tín dụng của nó để quản lý.

### *Trích lập dự phòng rủi ro*

TCTD trích lập ra một khoản dự phòng nhằm bù đắp cho những rủi ro có thể xảy ra căn cứ vào mức độ rủi ro của các tài sản có.

### *Bảo hiểm rủi ro tín dụng*

Thị trường trái khoán hoặc NHTM yêu cầu người nhận nợ phải có một khoản chi phí phụ thêm cho việc mua bảo hiểm nhằm bảo đảm cho doanh nghiệp trong trường hợp phá sản.

Chất lượng tín dụng càng cao thì tỷ lệ bảo hiểm rủi ro tín dụng càng thấp, khi rủi ro tín dụng của một doanh nghiệp tăng lên, các nhà đầu tư trái khoán và các NHTM sẽ yêu cầu tỷ lệ bảo hiểm tín dụng cao hơn. Việc tăng lên của các khoản bảo hiểm này là cần thiết để bù đắp cho mất mát dự kiến cao hơn về trái khoán hoặc khoản vay vì khả năng khoản vay sẽ không được hoàn trả. Kết quả là mức độ thấp nhất về chất lượng tín dụng có thể làm tăng chi phí vay của nó.

### *Biện pháp phân tán rủi ro*

Nắm giữ nhiều tài sản có rủi ro thay vì chỉ tập trung nắm giữ một hay

một số loại tài sản có rủi ro nhất định. Việc phân tán rủi ro tín dụng cho nhiều người vay cho phép các TCTD và các nhà đầu tư giảm rủi ro tín dụng đối với toàn bộ tài sản có.

Tập hợp nhiều loại cho vay trong một tài sản cho phép TCTD giảm sự thay đổi về thu nhập của chúng. Thu nhập từ các khoản cho vay thành công sẽ bù đắp phần lỗ từ những khoản cho vay bị vỡ nợ. Do đó làm giảm khả năng TCTD đó sẽ bị thiệt hại.

### *Sử dụng thị trường bán nợ*

Sau khi đầu tư hoặc cho các doanh nghiệp vay, TCTD hoặc nhà đầu tư lập tức tập hợp các tài sản có rủi ro (trái phiếu hoặc những khoản nợ có rủi ro tín dụng) và bán cho các nhà đầu tư khác để chuyển đổi sở hữu khoản nợ nhằm quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm của các nhà đầu tư, việc mua các phần của gói nợ này là tương đối hấp dẫn vì việc mở rộng danh mục đầu tư thông qua nhiều khoản vay sẽ làm giảm rủi ro tín dụng nói chung và làm tăng các khoản thu nhập từ gói nợ đã mua mà không nhất thiết phải nắm giữ các tài sản có này.

Như vậy, để quản lý rủi ro tín dụng, các TCTD, các nhà đầu tư có thể sử dụng biện pháp nâng cao chất lượng tín dụng, trích lập dự phòng rủi ro, bảo hiểm, phân tán rủi ro hoặc đặt chung các tài sản có rủi ro tín dụng với các tài sản khác và bán các phần của nó cho các nhà đầu tư bên ngoài. Những biện pháp như vậy có thể làm giảm rủi ro tín dụng của TCTD hoặc nhà đầu tư và những rủi ro tín dụng này có thể được chia sẻ cho những người sở hữu mới. Tuy nhiên, việc sử dụng các công cụ này có những hạn chế, cụ thể:

Việc áp dụng những thủ tục cấp tín dụng quá chặt chẽ nhằm nâng cao chất lượng tín dụng làm cho người vay trở nên khó khăn hơn trong việc tiếp nhận vốn tín dụng, điều này sẽ làm mất cơ hội đầu tư của TCTD hoặc nhà đầu tư.

Việc trích lập dự phòng rủi ro thường đặt ra những yêu cầu về tài

chính đối với các TCTD trong khi bảo hiểm rủi ro tín dụng lại đặt ra những yêu cầu về tài chính đối với người nhận nợ. Do vậy, cả hai biện pháp này hoặc làm giảm khả năng cân đối và điều hành vốn khả dụng của TCTD hoặc làm tăng chi phí vay vốn của người vay, dẫn đến TCTD gặp khó khăn trong việc mở rộng tín dụng và không thực hiện được chính sách khách hàng.

Do các TCTD thường có xu hướng tập trung các khoản vay của họ vào một số ngành, lĩnh vực nhất định hoặc một số địa bàn nhất định, nên chúng thường bị giới hạn bởi sự khan hiếm các cơ hội phân tán rủi ro; sự hạn chế khả năng phân tán về địa lý hoặc các ngành, lĩnh vực đồng nghĩa với việc thu nhập từ những khoản cho vay của họ sẽ chủ yếu dựa vào điều kiện kinh tế địa phương hoặc các ngành, lĩnh vực đó; vì vậy, sự biến động về kinh tế của địa phương hoặc các ngành, lĩnh vực sẽ ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng.

Riêng ở Việt Nam, do khả năng tiếp cận và trình độ tiếp thu công nghệ tài chính - ngân hàng của các TCTD hiện nay còn ở mức thấp nên biện pháp chủ yếu nhất vẫn chỉ là nâng cao chất lượng tín dụng của hệ thống các TCTD và trích lập dự phòng rủi ro; một số hoạt động khác như bán nợ và xử lý tài sản thế chấp mới trong giai đoạn triển khai, chưa thực sự phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Vì vậy, việc tiếp thu và sử dụng các công cụ dẫn xuất tín dụng để quản lý rủi ro là hết sức cần thiết đối với các TCTD Việt Nam.

## QUẢN LÝ RỦI RO THÔNG QUA DẪN XUẤT TÍN DỤNG

Xét về khái niệm, dẫn xuất tín dụng là các hợp đồng tài chính được ký kết bởi các bên tham gia giao dịch dẫn xuất tín dụng (TCTD, Cty tài chính, Cty bảo hiểm, nhà đầu tư...) nhằm đưa ra những bảo đảm chống lại sự chuyển dịch bất lợi về chất lượng tín dụng của các khoản đầu tư hoặc những tổn thất liên quan đến tín dụng.

Những hợp đồng này mang lại cho các nhà đầu tư, người nhận nợ và ngân hàng những kỹ thuật mới bổ

sung cho các biện pháp bán nợ, phân tán rủi ro và bảo hiểm nhằm quản lý rủi ro tín dụng vì trên thực tế, khi người vay phá sản, TCTD hoặc nhà đầu tư sẽ phải chịu thiệt hại đối với khoản đầu tư, tuy nhiên, khoản lỗ này có thể được bù đắp bởi thu nhập từ các công cụ dẫn xuất tín dụng. Vì vậy, nếu được sử dụng linh hoạt sẽ làm giảm rủi ro nói chung của TCTD hoặc của nhà tư. Các công cụ dẫn xuất tín dụng chủ yếu hiện nay gồm:

**Hoán đổi tín dụng (CREDIT SWAPS)**

Là công cụ dẫn xuất làm giảm rủi ro tín dụng thông qua phân tán rủi ro. Thay cho việc phân tán rủi ro thông qua hoạt động cho vay ra cả bên ngoài địa phương, TCTD hoặc nhà đầu tư có thể bán một số khoản nợ và mua một số khoản khác nhằm hoán đổi các khoản thanh toán từ một hoạt động cho vay của nó với khoản thanh toán từ các tổ chức khác.

Nghiệp vụ hoán đổi tín dụng chung nhất được gọi là hoán đổi thu nhập toàn bộ; trong giao dịch này, tổ chức quản lý rủi ro sẽ hoán đổi các khoản thanh toán đầu tư hoặc khoản cho vay có lãi suất cố định của TCTD này với khoản thanh toán đầu tư hoặc các khoản vay có lãi suất được điều chỉnh của các TCTD, nhà đầu tư hoặc công ty bảo hiểm khác.

Trong trường hợp có một sự dịch chuyển về tỷ lệ vỡ nợ giữa các lĩnh vực đầu tư tín dụng, tình trạng của các bên sẽ ít bị tác động xấu. Việc hoán đổi cho phép từng TCTD, nhà đầu tư phân tán rủi ro tín dụng và tổ chức quản lý rủi ro sẽ nhận được một khoản phí nhỏ cho việc thu xếp giao dịch. Hoán đổi tín dụng tạo ra 2 điểm thuận lợi quan trọng:

Nó cho phép các TCTD phân tán rủi ro tín dụng trong khi duy trì một cách trung thành các sổ dư tài chính của khách hàng. Trong giao dịch hoán đổi thu nhập toàn bộ, sổ dư của các doanh nghiệp vay vốn được duy trì với TCTD ban đầu. Khi các khoản nợ được bán, sổ dư nợ của doanh nghiệp được chuyển đổi cho người sở hữu mới của khoản nợ.

Các khoản chi phí quản lý của giao dịch hoán đổi có thể thấp hơn là

chi phí của giao dịch bán nợ. Điều này đồng nghĩa với việc nó sẽ làm chi phí vay vốn của người nhận nợ giảm và có thể thực hiện phân tán rủi ro với mức chi phí thấp hơn.

**Quyền chọn tín dụng (CREDIT OPTIONS)**

Là loại dẫn xuất tín dụng cung cấp chức năng tương tự bảo hiểm. Các quyền chọn này cho phép các TCTD, các nhà đầu tư có thể lựa chọn mua hoặc bán các tài sản có rủi ro tại một mức giá cố định để bảo vệ cho họ đối với những biến động bất lợi về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính hoặc khoản vay của TCTD trong trường hợp rủi ro xảy ra.

Quyền chọn tín dụng mang lại nhiều lợi ích hơn so với việc trích lập dự phòng của các TCTD vì nó không làm tăng chi phí của người vay và không làm giảm hiệu quả sử dụng vốn khả dụng của TCTD do phải giữ lại các tài sản có dự phòng. Như vậy nó sẽ bảo vệ cho nhà đầu tư khỏi sự giảm giá của các tài sản có.

**Các chứng chỉ liên quan đến tín dụng (CREDIT - LINK NOTES)**

Là một loại dẫn xuất tín dụng khác được sử dụng bởi người phát hành trái phiếu nhằm tránh rủi ro tín dụng. Một chứng chỉ liên quan đến tín dụng bao gồm một tập hợp trái phiếu và một hợp đồng quyền chọn tín dụng. Chứng chỉ này hứa sẽ thanh toán định kỳ lãi suất và thanh toán một lần giá trị như trái phiếu khi đến hạn. Quyền chọn tín dụng trên chứng chỉ này cho phép người phát hành giảm các thanh toán của giấy tờ nếu có một sự biến động rõ ràng về tài chính khi giấy tờ giảm giá trị.

TCTD, nhà đầu tư có thể cân nhắc việc mua các chứng chỉ liên quan đến tín dụng vì nó có thể thu được một tỷ lệ doanh thu cao hơn trái phiếu thông thường của nhà phát hành nợ, bởi vì khi phát hành chứng chỉ, thông thường giá của chứng chỉ thấp hơn giá trị trái phiếu. Chi phí thấp hơn của TCTD, nhà đầu tư về giá đối với thanh toán lãi suất sẽ cho họ có một doanh thu cao hơn.

**Các vấn đề cần quan tâm khi sử dụng dẫn xuất tín dụng**

Trong khi dẫn xuất tín dụng đưa

ra những công cụ có giá trị để quản lý rủi ro tín dụng, nó cũng mang đến cho người sử dụng những rủi ro chung của giao dịch dẫn xuất tài chính và các chi phí quản lý rủi ro mà TCTD, nhà đầu tư gián tiếp cần hết sức chú ý, các rủi ro đó bao gồm:

*Rủi ro hoạt động nội bộ:* Rủi ro TCTD, nhà đầu tư gặp phải do sử dụng không thận trọng bất cứ dẫn xuất tín dụng nào như một công thức thay cho việc bảo hiểm (rủi ro do không có khả năng hoàn thành giao dịch và kiểm soát rủi ro xảy ra).

*Rủi ro đối tác:* Rủi ro khi đối tác giao dịch phá sản (tuy nhiên mức độ rủi ro này tương đối nhỏ).

*Rủi ro tính lỏng:* Sự không chắc chắn về việc có thể chuyển nhượng các hợp đồng dẫn xuất tín dụng vì không có thị trường thứ cấp cho việc tài bảo hiểm rủi ro tín dụng hoặc bù đắp cho khả năng thất thoát của các giao dịch dẫn xuất tín dụng đó.

*Rủi ro pháp lý:* Rủi ro do hợp đồng dẫn xuất tín dụng không đủ tư cách pháp lý hoặc không phù hợp với sự thay đổi của cơ chế chính sách.

*Rủi ro đạo đức* trong giao dịch các công cụ dẫn xuất tín dụng.

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM SỬ DỤNG TỐT CÁC CÔNG CỤ DẪN XUẤT TÍN DỤNG**

Qua các phân tích ở trên, có thể thấy rằng dẫn xuất tín dụng là công cụ quản lý rủi ro có tính linh hoạt cao và có nhiều ưu thế, khắc phục được các nhược điểm của các công cụ truyền thống. Tuy nhiên, để các TCTD Việt Nam có thể sử dụng tốt các công cụ dẫn xuất tín dụng nhằm quản lý rủi ro, theo chúng tôi cần thực hiện một số giải pháp sau:

**Về cơ chế chính sách**

Nhà nước cần có sự thể chế và quy định pháp lý rõ ràng cho hoạt động giao dịch các công cụ dẫn xuất tín dụng ở Việt Nam, nhằm giúp các TCTD bảo hiểm cho hoạt động tín dụng và cấu trúc lại một cách thận trọng danh mục tài sản có có nguy cơ rủi ro với mục tiêu giảm thiểu chi phí vốn, giảm thiểu rủi ro tín dụng và cho phép các TCTD cho vay nhiều

hơn; đồng thời khuyến khích các chủ thể khác nhau như công ty tài chính, công ty bảo hiểm và thậm chí cả nhà đầu tư tham gia vào thị trường này.

Thành lập các tổ chức xếp hạng tín dụng có tín nhiệm để phân loại tín dụng. Việc kiểm soát, quản lý rủi ro tại các TCTD phải gắn liền với hệ thống này nhằm xác định và giám sát các trạng thái rủi ro, đồng thời phân tích và điều tiết những rủi ro tiềm tàng thông qua các công cụ dẫn xuất tín dụng.

Do hợp đồng dẫn xuất tín dụng là hợp đồng tài chính mà giá cả của chúng dựa trên cơ sở một tài sản có, một giá tham chiếu hoặc một chỉ số tham chiếu nên cần thiết phải phát triển thị trường tài chính và các công cụ dẫn xuất tại Việt Nam để có thể chủ động trong việc niêm yết các chỉ số giá tham chiếu, phục vụ các giao dịch dẫn xuất tín dụng nói riêng và dẫn xuất tài chính nói chung.

#### Về thực hiện của các TCTD

Trước hết cần củng cố kiến thức,

nâng cao trình độ cán bộ tín dụng để hiểu biết và sử dụng tốt công cụ dẫn xuất tín dụng nhằm kiểm soát rủi ro trong kinh doanh tín dụng tại Việt Nam đồng thời cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong từng thành viên của TCTD nhằm làm giảm các nguy cơ rủi ro về đạo đức trong giao dịch dẫn xuất tín dụng nói riêng và trong hoạt động tín dụng nói chung.

Chỉ thực hiện giao dịch dẫn xuất tín dụng để bảo hiểm nhằm quản lý rủi ro tín dụng, không được lạm dụng, coi đó như là một hướng đầu tư để hạn chế rủi ro.

Tiếp tục thúc đẩy các hoạt động bán nợ, bảo hiểm rủi ro tín dụng, trích lập dự phòng rủi ro... nhằm đa dạng hoá các công cụ quản lý rủi ro.

Tham khảo, kiểm nghiệm và mở rộng các hoạt động quản lý rủi ro thông qua dẫn xuất tín dụng trên các thị trường tài chính trong khu vực và quốc tế làm kinh nghiệm thực hiện trên thị trường tài chính Việt Nam.

Như vậy, rủi ro tín dụng là nhân tố rất quan trọng đối với ngân hàng, nhà phát hành, nhà đầu tư trái phiếu. Các công cụ truyền thống nhằm quản lý rủi ro tín dụng như nâng cao chất lượng tín dụng, trích lập dự phòng rủi ro, phân tán rủi ro, bán nợ và bảo hiểm tài sản mới chỉ đưa ra những giải pháp đơn lẻ nhằm kiểm soát rủi ro tín dụng. Sự phát triển thị trường dẫn xuất tín dụng đã đưa ra những công cụ mới đầy quyền năng để quản lý rủi ro tín dụng với chi phí thấp hơn và hiệu quả lớn hơn các công cụ truyền thống. Hiểu và vận dụng được điều này không chỉ giúp các TCTD, các nhà đầu tư tài chính, nhà phát hành, kinh doanh chứng khoán, các quỹ tương hỗ có thể sử dụng dẫn xuất tín dụng để bảo hiểm cho những thay đổi bất lợi về chất lượng tín dụng của các khoản đầu tư, góp phần thúc đẩy thị trường tài chính Việt Nam phát triển, mang lại lợi ích cho bản thân các TCTD tham gia thị trường này và cho toàn bộ nền kinh tế. ■

# Mở rộng tín dụng ngân hàng GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM MỚI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ

Nguyễn Xuân Sơn \*

Mối quan hệ tài chính giữa các NHTM với các doanh nghiệp đang sử dụng lao động sẽ tác động tích cực, trực tiếp đến quy mô sản xuất kinh doanh. Muốn mở rộng sản xuất kinh doanh buộc phải có phương tiện tài chính dồi dào. Và chỉ có mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng thì các doanh nghiệp mới mong đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư để mở rộng sản xuất kinh doanh và tạo thêm việc làm mới cho người lao động. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập vấn đề mở rộng tín dụng ngân hàng đối với khu vực công nghiệp tư nhân, (gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và cá thể) đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm mới cho người lao động.

Kể từ năm 1996 đến năm 2000, dư nợ bình quân hàng năm của các NHTM cho vay các doanh nghiệp đạt hàng trăm ngàn tỷ đồng; dư nợ cho vay nền kinh tế cao nhất là NHNo&PTNT, thứ đến là Ngân hàng Công thương Việt Nam. Dư nợ bình quân gần 20 ngàn tỷ đồng của nhóm NHTM cổ phần chủ yếu là cho vay doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình, tập thể. Cuộc điều tra của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và IRD thực hiện năm 1997 cho thấy, phần đóng góp của nhóm doanh nghiệp gia đình đã tạo việc làm mới chiếm 66% trong tổng số việc làm mới của cả nước.

Theo số liệu điều tra, khu vực công nghiệp tư nhân cuối năm

2000 chỉ chiếm 21,6% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, nhưng chiếm tới 61% lao động và 11,4% tổng nguồn vốn, là khu vực có ưu thế sử dụng nhiều lao động, sử dụng ít vốn, phù hợp với thực trạng nền kinh tế hiện nay. Vốn đầu tư trên một lao động của khu vực tư nhân thấp hơn khu vực công nghiệp quốc doanh ước tính từ 5 đến 10 lần. Trong bối cảnh hiện nay, vốn đầu tư khu vực nông nghiệp tư nhân, cá thể liên tục giảm từ mức 33% tổng vốn đầu tư xã hội năm 1992 xuống 20% tổng vốn đầu tư xã hội năm 1999, trong khi đó vốn đầu tư của Nhà nước (bao gồm vốn ngân sách, vốn tín dụng và vốn của các doanh nghiệp

\* Hà Nội